CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
DN: E=hukaoko@gmail.com, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300482241, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII, L="70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh", S=TP Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022-03-18 13:26:50
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2021)
Ông Phạm Thế Chỉnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2022)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0300482241 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
QUẬN 1 - T. PHỐ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN
since 2001

Lầu 4, tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
T : (+84 28) 7303 2007

Số: 1372/2022/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2022, từ trang 4 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Lương Giang Thạch	**Trần Thị Xuân Tước**
Phó Giám đốc Chi nhánh	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2178-2018-072-1	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: N.4184-2022-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.144.196.364.131**	**1.003.981.844.989**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**96.711.586.478**	**109.765.301.070**
1. Tiền	111		2.311.586.478	965.301.070
2. Các khoản tương đương tiền	112		94.400.000.000	108.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**23.663.760.686**	**19.534.305.806**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	23.663.760.686	19.534.305.806
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**995.242.588.311**	**845.138.442.449**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	27.473.336.761	29.290.979.516
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		973.494.510	6.692.622.512
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	374.569.778.943	260.869.778.943
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	615.087.356.149	560.422.280.597
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(22.861.378.052)	(12.137.219.119)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.7**	**25.817.937.982**	**26.996.853.527**
1. Hàng tồn kho	141		25.817.937.982	26.996.853.527
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.760.490.674**	**2.546.942.137**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	16.769.998	1.517.126
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.081.190.725	910.028.388
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.662.529.951	1.635.396.623
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**3.428.732.336.723**	**3.341.291.650.908**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**108.880.000.000**	**39.500.000.000**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	108.880.000.000	39.500.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**729.951.487**	**1.043.334.013**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	729.951.487	1.043.334.013
- Nguyên giá	*222*		*3.143.834.571*	*3.112.044.571*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(2.413.883.084)*	*(2.068.710.558)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	*228*		*50.000.000*	*50.000.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(50.000.000)*	*(50.000.000)*
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**3.314.804.447.204**	**3.296.725.637.752**
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	2.484.118.823.206	2.484.118.823.206
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	827.175.623.998	809.096.814.546
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	3.510.000.000	3.510.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.317.938.032**	**4.022.679.143**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	4.317.938.032	4.022.679.143
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**4.572.928.700.854**	**4.345.273.495.897**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.743.936.513.278**	**1.713.167.715.470**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.175.552.920.377**	**1.098.989.435.821**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	173.234.386.341	174.869.102.020
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	463.743.722.263	464.212.009.928
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	205.612.052	213.897.037
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	792.233.869	1.059.407.011
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	220.823.305.821	157.661.254.794
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	315.323.493.151	299.252.493.151
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.430.166.880	1.721.271.880
II. Nợ dài hạn	**330**		**568.383.592.901**	**614.178.279.649**
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	105.846.842.901	98.771.529.649
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	462.536.750.000	515.406.750.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**2.828.992.187.576**	**2.632.105.780.427**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.17**	**2.828.992.187.576**	**2.632.105.780.427**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.928.547.650.000*	*1.928.547.650.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		81.310.130.378	81.310.130.378
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		815.476.659.102	618.590.251.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*617.420.256.953*	*397.461.275.988*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*198.056.402.149*	*221.128.975.965*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**4.572.928.700.854**	**4.345.273.495.897**

Phùng Thị Thắm	Lương Thị Thu Yến	Nguyễn Văn Chính
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2021	2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**3.339.223.311**	**344.686.364**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	**10**		**3.339.223.311**	**344.686.364**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.992.766.951	593.897.741
5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**346.456.360**	**(249.211.377)**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	296.636.718.103	304.655.707.574
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	79.759.763.562	58.088.527.095
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*79.759.763.562*	*58.088.527.095*
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	19.182.619.063	11.793.988.629
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - 26]	**30**		**198.040.791.838**	**234.523.980.473**
10. Thu nhập khác	31	VI.6	16.000.000	1.838.668.838
11. Chi phí khác	32		389.689	2.363.732.346
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	**40**		**15.610.311**	**(525.063.508)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**198.056.402.149**	**233.998.916.965**
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**198.056.402.149**	**233.998.916.965**

Phùng Thị Thắm	**Lương Thị Thu Yến**	**Nguyễn Văn Chính**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2021	2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**198.056.402.149**	**233.998.916.965**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	345.172.526	368.750.692
Các khoản dự phòng	03	10.724.158.933	2.850.828.670
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(296.636.718.103)	(304.655.707.574)
Chi phí lãi vay	06	79.759.763.562	58.088.527.095
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**(7.751.220.933)**	**(9.348.684.152)**
Giảm các khoản phải thu	09	358.734.566	1.601.970.484
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	1.178.915.545	(27.117.393)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.329.541.520	(3.207.324.625)
Giảm chi phí trả trước	12	(310.511.761)	(3.996.984.412)
Tiền lãi vay đã trả	14	(63.200.402.274)	(44.939.542.692)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.461.100.000)	(1.196.141.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(56.856.043.337)**	**(61.113.823.968)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(31.790.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(223.829.454.880)	(122.461.911.448)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	43.500.000.000	215.924.914.388
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18.078.809.452)	(503.179.205.479)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	279.041.383.077	692.950.655.842
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**80.601.328.745**	**283.234.453.303**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2021	2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	16.870.000.000	808.141.300.319
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(53.669.000.000)	(719.240.376.093)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(231.425.718.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(36.799.000.000)**	**(142.524.793.774)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(13.053.714.592)**	**79.595.835.561**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**109.765.301.070**	**30.169.465.509**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	**70**	**96.711.586.478**	**109.765.301.070**

Phùng Thị Thắm	Lương Thị Thu Yến	Nguyễn Văn Chính
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 21 ngày 7 tháng 12 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,79%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges And Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 20 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 17).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
3. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư dự án xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
4. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên, QL 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang -Tháp Chàm
7. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG *(Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình)*	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư Dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
8. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
Công ty liên doanh				
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50%	50%	Đầu tư dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
(d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng từ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.311.586.478	965.301.070
Các khoản tương đương tiền	94.400.000.000	108.800.000.000
Cộng	**96.711.586.478**	**109.765.301.070**

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm số tiền 15 tỷ đồng đã được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 15 tỷ đồng).

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	23.663.760.686	19.534.305.806
b. Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	3.510.000.000	3.510.000.000
Cộng	**27.173.760.686**	**23.044.305.806**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu các bên liên quan *(i)*	3.780.751.531	3.780.751.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.945.801.731	2.945.801.731
Các khách hàng khác	9.701.302.758	11.518.945.513
Cộng	**27.473.336.761**	**29.290.979.516**
(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.320.000.000	1.320.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	431.312.458	431.312.458
Công ty CII	379.155.000	379.155.000
Cộng	**3.780.751.531**	**3.780.751.531**

4. Phải thu về cho vay

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc *(i)*	231.425.250.000	231.425.250.000
Công ty CII *(ii)*	97.701.528.943	23.501.528.943
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận *(iii)*	39.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII *(iv)*	5.943.000.000	5.943.000.000
	374.569.778.943	**260.869.778.943**
b. Phải thu dài hạn		
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	104.680.000.000	
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	4.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận *(iv)*	-	39.500.000.000
	108.880.000.000	**39.500.000.000**
Cộng	**483.449.778.943**	**300.369.778.943**
Chi tiết phải thu về cho vay các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	104.680.000.000	-
Công ty CII *(ii)*	97.701.528.943	23.501.528.943
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận *(iii)*	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII *(iv)*	5.943.000.000	5.943.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	4.200.000.000	-
Cộng	**252.024.528.943**	**68.944.528.943**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay (tiếp theo)

(i) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để Tuấn Lộc góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương Mỹ Thuận (doanh nghiệp án BOT Trung Lương Mỹ Thuận). Khoản này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Tuấn Lộc sở hữu trong Doanh nghiệp dự án. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Chi phí sử dụng vốn theo thỏa thuận giữa hai bên là 11%/năm và được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.

(ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty CII sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 với lãi suất được hưởng trong năm là 11%/năm.

(iii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận theo hợp đồng ký ngày 5 tháng 12 năm 2017, khoản này sẽ đáo hạn vào ngày 5 tháng 12 năm 2022, lãi suất áp dụng trong năm là 9,8%/năm.

(iv) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII theo hợp đồng ký ngày 17 tháng 7 năm 2019 với thời hạn là 1 năm, khoản này sẽ đáo hạn vào ngày 17 tháng 1 năm 2022, lãi suất áp dụng trong năm dao động từ 9,5% - 7,5%/năm.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	443.044.326.507	415.323.083.368
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm	160.443.048.427	137.444.825.917
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	10.432.603.510	-
Các khoản chi hộ	32.005.864	27.149.471
Phải thu người lao động	65.500.000	77.350.000
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	14.000.000
Các khoản phải thu khác	1.055.871.841	7.535.871.841
	615.087.356.149	**560.422.280.597**
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	**443.044.326.507**	**415.323.083.368**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	156.542.865.764	92.993.770.603
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	153.418.570.017	78.690.502.519
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	126.581.051.082	143.763.543.894
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	6.501.839.644	99.875.266.352
Phải thu lãi từ các hợp đồng hỗ trợ vốn	**340.484.375**	**544.175.307**
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	340.484.375	544.175.307
Các khoản phải thu khác	**600.000.000**	**7.080.000.000**
Khoản phải thu phụ cấp HĐTV của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	600.000.000	200.000.000
Phải thu tạm góp vốn của Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	-	6.880.000.000
Cộng	**443.984.810.882**	**422.947.258.675**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.229.054.213	1.693.348.002	(21.535.706.211)	14.275.556.991	3.008.137.872	(11.267.419.119)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	869.800.000	-	(869.800.000)	869.800.000	-	(869.800.000)
Phải thu ngắn hạn khác	455.871.841	-	(455.871.841)	-	-	-
Cộng	**24.554.726.054**	**1.693.348.002**	**(22.861.378.052)**	**15.145.356.991**	**3.008.137.872**	**(12.137.219.119)**

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	2021 VND	2020 VND
Số đầu năm	(12.137.219.119)	(9.261.360.322)
Trích lập dự phòng bổ sung	(10.810.953.933)	(3.583.753.809)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	86.795.000	707.895.012
Số cuối năm	**(22.861.378.052)**	**(12.137.219.119)**

7. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.706.637.982	-	26.885.553.527	-
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác	*25.207.545.926*	-	*25.207.545.926*	-
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang	*499.092.056*	-	*1.678.007.601*	-
Hàng hóa	111.300.000	-	111.300.000	-
Cộng	**25.817.937.982**	**-**	**26.996.853.527**	**-**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	16.769.998	1.517.126
b. Dài hạn		
Chi phí cải tạo, sửa chữa	2.215.099.485	-
Phí quản lý tài khoản ngân hàng	1.479.472.643	4.022.679.143
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	623.365.904	-
	4.317.938.032	**4.022.679.143**
Cộng	**4.334.708.030**	**4.024.196.269**

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2021	854.759.656	2.257.284.915	-	3.112.044.571
Mua trong năm	-	-	31.790.000	31.790.000
Tại ngày 31/12/2021	**854.759.656**	**2.257.284.915**	**31.790.000**	**3.143.834.571**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2021	675.625.115	1.393.085.443	-	2.068.710.558
Khấu hao trong năm	67.137.984	278.034.542	-	345.172.526
Tại ngày 31/12/2021	**742.763.099**	**1.671.119.985**	**-**	**2.413.883.084**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	179.134.541	864.199.472	-	1.043.334.013
Tại ngày 31/12/2021	**111.996.557**	**586.164.930**	**31.790.000**	**729.951.487**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021				01/01/2021			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a. Đầu tư vào công ty con								
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	-	*(i)*	94.350.000	943.500.000.000	-	*(i)*
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		607.325.833.333	-	*(i)*		607.325.833.333	-	*(i)*
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	28.700.000	335.996.028.454	-	*(i)*	28.700.000	335.996.028.454	-	*(i)*
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	-	*(i)*		242.278.623.284	-	*(i)*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	-	*(i)*	21.998.000	219.980.000.000		*(i)*
Công ty TNNH Đầu tư Cổ Chiên		106.590.000.000				106.590.000.000		
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.498.835	28.448.338.135	-	*(i)*	2.498.835	28.448.338.135	-	*(i)*
Cộng		**2.484.118.823.206**	**-**	**-**		**2.484.118.823.206**	**-**	**-**
b. Đầu tư vào công ty liên doanh								
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	77.141.770	827.175.623.998	-	*(i)*	77.141.770	809.096.814.546	-	*(i)*
Cộng		**827.175.623.998**	**-**	**-**		**809.096.814.546**	**-**	**-**

(i) Giá trị hợp lý của các công ty con và công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan *(i)*	159.455.870.832	159.455.870.832	160.248.212.872	160.248.212.872
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	8.723.509.444	8.723.509.444	9.427.804.089	9.427.804.089
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.055.006.065	2.055.006.065	2.193.085.059	2.193.085.059
Cộng	**173.234.386.341**	**173.234.386.341**	**174.869.102.020**	**174.869.102.020**
(i) Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan				
Công ty CII *(ii)*	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	682.569.030	682.569.030	1.474.911.070	1.474.911.070
Cộng	**159.455.870.832**	**159.455.870.832**	**160.248.212.872**	**160.248.212.872**

(ii) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CII *(i)*	462.850.380.000	462.850.380.000
Khách hàng khác	893.342.263	1.361.629.928
Cộng	**463.743.722.263**	**464.212.009.928**

(i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận mua cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Công ty đang sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai nội tỉnh	457.965.068	-	27.133.328	485.098.396
Cộng	**1.635.396.623**	**448.105.076**	**475.238.404**	**1.662.529.951**
b. Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	213.897.037	679.964.371	688.249.356	205.612.052
Thuế đất	-	448.105.076	448.105.076	-
Các khoản khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**213.897.037**	**1.131.069.447**	**1.139.354.432**	**205.612.052**

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	672.233.869	876.907.011
Chi phí phải trả khác	120.000.000	182.500.000
Cộng	**792.233.869**	**1.059.407.011**

15. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn		
Khoản nhận trước lợi nhuận *(i)*	159.781.500.895	126.281.500.895
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	35.741.764.593	6.079.713.566
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Các khoản phải trả khác	311.690.333	311.690.333
	220.823.305.821	**157.661.254.794**
b. Phải trả dài hạn		
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	86.851.164.129	92.071.529.649
Khoản nhận trả trước vốn góp đầu tư	11.695.678.772	-
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	6.700.000.000
	105.846.842.901	**98.771.529.649**
Cộng	**326.670.148.722**	**256.432.784.443**
Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan		
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	159.781.500.895	126.281.500.895
Công ty CII	122.592.928.722	98.151.243.215
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	11.695.678.772	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Cộng	**319.058.458.389**	**249.421.094.110**

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của công ty con và sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Công ty CII	266.453.493.151	266.453.493.151	16.870.000.000	-	249.583.493.151	249.583.493.151
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả *(xem Thuyết minh b)*	48.870.000.000	48.870.000.000			49.669.000.000	49.669.000.000
Cộng	**315.323.493.151**	**315.323.493.151**	**16.870.000.000**	**-**	**299.252.493.151**	**299.252.493.151**
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	454.380.300.319	454.380.300.319	-	53.669.000.000	508.049.300.319	-
Công ty CII	57.026.449.681	57.026.449.681	-	-	57.026.449.681	57.026.449.681
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(48.870.000.000)	(48.870.000.000)			(49.669.000.000)	(49.669.000.000)
Cộng	**462.536.750.000**	**462.536.750.000**	**-**	**53.669.000.000**	**515.406.750.000**	**7.357.449.681**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính

Vay ngắn hạn						
Công ty CII	44.870.000.000	1 năm	13/04/2022	Lãi suất trong năm là 10,5%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo
	221.583.493.151	3 năm	21/07/2023	Lãi suất trong năm là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (thời hạn 3 năm nhưng có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo
	266.453.493.151					
Vay dài hạn						
Công ty CII	57.026.449.681	9 năm	13/04/2024	Thả nổi, lãi suất trong năm là 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	125.698.000.000	3 năm	25/10/2023	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9% - 10,75%	Tái tài trợ khoản vay của Ngân hàng BIDV năm 2015 để mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương". - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG.
	328.682.300.319	8 năm	29/07/2028		Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII ngày 13/04/2015	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.
	454.380.300.319					

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trong vòng một năm	48.870.000.000	49.669.000.000
Trong năm thứ hai	81.828.000.000	52.870.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	187.026.449.681	208.854.449.681
Sau năm năm	193.682.300.319	253.682.300.319
Cộng	**511.406.750.000**	**565.075.750.000**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(48.870.000.000)	(49.669.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	**462.536.750.000**	**515.406.750.000**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	**1.928.547.650.000**	**3.657.748.096**	**69.610.184.378**	**629.965.993.988**	**2.631.781.576.462**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	233.998.916.965	233.998.916.965
Chia cổ tức	-	-	-	(231.425.718.000)	(231.425.718.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	11.699.946.000	(11.699.946.000)	-
Trích quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	(1.169.995.000)	(1.169.995.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.079.000.000)	(1.079.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	**1.928.547.650.000**	**3.657.748.096**	**81.310.130.378**	**618.590.251.953**	**2.632.105.780.427**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	198.056.402.149	198.056.402.149
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bổ sung năm 2020 theo nghị quyết ĐHCĐ	-	-	-	(1.169.995.000)	(1.169.995.000)
Tại ngày 31/12/2021	**1.928.547.650.000**	**3.657.748.096**	**81.310.130.378**	**815.476.659.102**	**2.828.992.187.576**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29 tháng 4 năm 2021 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ tối thiểu 6% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2021 với tỷ lệ dự kiến là 12%.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	1.525.884.455	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.813.338.856	344.686.364
Cộng	**3.339.223.311**	**344.686.364**
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	687.272.728	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	667.272.728	-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	21.818.182	-
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	18.181.818	-
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	80.238.690	-
Công ty CII	-	344.686.364
Cộng	**1.474.784.146**	**344.686.364**

2. Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	1.429.319.767	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.563.447.184	593.897.741
Cộng	**2.992.766.951**	**593.897.741**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	246.667.564.367	246.136.188.483
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	49.969.153.736	58.519.519.091
Cộng	**296.636.718.103**	**304.655.707.574**
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan		
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	**246.667.564.367**	**246.136.188.483**
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	80.819.507.188	85.741.921.808
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	74.728.067.498	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	63.549.095.161	120.715.744.745
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	26.100.894.520	39.678.521.930
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.470.000.000	-
Lãi hỗ trợ vốn	**21.156.789.455**	**13.235.315.886**
Công ty CII	7.677.651.077	8.534.049.430
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	5.223.069.890	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	3.924.763.887	3.935.516.665
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	3.576.041.097	18.493.151
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	481.630.626	544.175.307
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	273.632.878	-
Công ty TNNH Đầu tư Cổ Chiên	-	203.081.333
Cộng	**267.824.353.822**	**259.371.504.369**

4. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	79.759.763.562	58.088.527.095
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan		
Công ty CII	32.119.336.584	16.799.312.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.251.930.357	4.214.467.983
Chi phí đồ dùng văn phòng	498.025.377	217.454.608
Chi phí khấu hao	26.319.758	40.594.452
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	10.724.158.933	2.850.828.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.418.892.846	3.440.374.860
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	263.291.792	1.030.268.056
Cộng	**19.182.619.063**	**11.793.988.629**
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	2.068.391.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	444.536.800
Cộng	**-**	**2.512.927.800**

6. Thu nhập khác

	2021 VND	2020 VND
Thu nhập từ cho thuê xe	-	1.200.000.000
Thu nhập từ xóa các khoản nợ phải trả	-	638.668.838
Thu nhập khác	16.000.000	-
Cộng	**16.000.000**	**1.838.668.838**
Trong đó, thu nhập phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan		
Công ty TNNH Đầu tư Cổ Chiên	16.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	-	600.000.000
Cộng	**16.000.000**	**1.200.000.000**

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**198.056.402.149**	**233.998.916.965**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	130.689.659	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(246.667.564.367)	(246.136.188.483)
Thu nhập chịu thuế	**(48.480.472.559)**	**(12.137.271.518)**
Thu nhập tính thuế	**(48.480.472.559)**	**(12.137.271.518)**
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**-**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNNH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên doanh
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)		
Lợi nhuận được chia trong năm	-	126.751.922.400
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	16.870.000.000	378.598.807.168
Thanh toán lãi vay hỗ trợ vốn	-	83.493.151
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	74.200.000.000	120.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	202.644.914.388
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Nhận tiền lợi nhuận đã chia	-	402.900.000.000
Góp vốn trong năm	-	402.900.000.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	43.500.000.000	27.000.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	47.076.041.097	27.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		
Nhận thanh toán cổ tức	131.170.000.000	122.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	3.924.763.887	-
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	104.680.000.000	64.820.000.000
Thu lãi hỗ trợ vốn	5.223.069.890	-
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình		
Nhận thanh toán cổ tức	98.002.000.000	79.100.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	34.970.000.000	71.600.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Thanh toán hợp đồng cung cấp thiết bị và DV để khảo sát	792.342.040	
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	685.321.558	

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm

Họ và tên	Chức vụ	2021 VND	2020 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/12/2020)	1.428.336.300	885.347.584
Ông Phạm Thế Chỉnh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/12/2020)	-	1.371.897.846
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	852.436.719	829.762.876
Cộng		**2.280.773.019**	**3.087.008.306**

Trong năm, Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	2021 VND	2020 VND
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	-	474.600.000.000
Chi đầu tư vào công ty liên doanh	18.078.809.452	28.579.205.479
	18.078.809.452	**503.179.205.479**
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-	508.641.300.319
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	16.870.000.000	299.500.000.000
	16.870.000.000	**808.141.300.319**
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	53.669.000.000	340.641.568.925
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	-	378.598.807.168
	53.669.000.000	**719.240.376.093**

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

Phùng Thị Thắm	**Lương Thị Thu Yến**	**Nguyễn Văn Chính**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022